TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06**/2021/DS-ST.
Ngày: 24/3/2021.
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Bà Võ Thị Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện K, tỉnh G.

Ngày 24/3/2021, tại trụ sở TAND huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2020/TLST-DS ngày 05/10/2020 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 28/01/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(sau đây gọi tắt là Ngân hàng)*;

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện K Đông G.

Địa chỉ: Số 35 Võ Thị Sáu, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1989 và bà Hà Thị H, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Nghĩa An, huyện K, tỉnh G.

Ông B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T và bà H lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, được bổ sung tại bản tự khai ngày 06/11/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Thanh B trình bày:

Ngày 10/6/2016, ông Nguyễn T và bà Hà Thị H đã vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) Việt Nam thông qua chi nhánh

huyện K Đông G với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)* theo Hợp đồng tín dụng số: 2812/HĐTD ngày 10/6/2016 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo giải ngân số: 03/GNN ngày 04/12/2018; mục đích sử dụng tiền vay: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình; thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 10/6/2016, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 04/12/2019; lãi suất cho vay trong hạn là 0,8166%/tháng (9,8%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận; khoản vay này không được bảo đảm bằng tài sản.

Sau khi vay vốn, ông T và bà H đã sử dụng vốn vay không hiệu quả. Đến ngày 05/12/2019, ông bà không trả nợ theo cam kết nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông bà trả nợ nhưng ông bà cố tình không trả. Tính đến hết ngày 22/10/2020, ông T và bà H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.366.575 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.070.685 đồng *(các khoản lãi tạm tính đến ngày 22/10/2020)*. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh tạm tính đến ngày 22/10/2020 là 121.437.260 đồng

Tại Bảng kê tính lãi, Ngân hàng bổ sung yêu cầu ông T và bà H phải trả thêm số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh từ ngày 23/10/2020 đến ngày 24/3/2021 (*ngày xét xử sơ thẩm*) lần lượt là 3.856.438 đồng và 1.928.219 đồng. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T và bà H phải trả nợ tổng cộng là 127.221.917 đồng, gồm: Nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.223.013 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.998.904 đồng *(các khoản lãi tính đến ngày 24/3/2021)*.

Ngoài ra, do thỏa thuận của hai bên tại giấy nhận nợ kiêm báo cáo giải ngân số 03/GNN ngày 04/12/2018 nên Ngân hàng còn yêu cầu: Trường hợp khách hàng (bị đơn ông Nguyễn T và bà Hà Thị H) không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

-01 Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo - PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (bản sao);

-01 Giấy ủy quyến số 312/NHNNKBĐGL-TH ngày 22/10/2020 (bản chính);

- 02 CMND mang tên Hà Thị H và Nguyễn T (bản photo);

- 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn T (bản photo):

-01 Giấy đề nghị vay vốn ngày 10/6/2016 của hộ gia đình ông Nguyễn T và bà Hà Thị H (bản sao);

-01 Hợp đồng tín dụng số 2812/HĐTD ngày 10/6/2016 giữa Agribank chi nhánh huyện K Đông G với ông Nguyễn T và bà Hà Thị H (bản sao);

- 01 Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ố 03/GNN ngày 04/12/2018 (bản sao);

-01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 621979 cấp ngày 25/7/2011 (bản sao);

- 01 Giấy cam kết của ông Nguyễn T và Hà Thị H v/v đồng ý giao tài sản để xử lý khi nợ gốc và lãi quá hạn (bản sao);

- 01 Giấy báo nợ đến hạn ngày 20/11/2019 (bản sao):

-01 Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 05/12/2019 (bản sao);

-04 Biên bản làm việc v/v giải quyết nợ vay ngân hàng quá hạn ngày 15/12/2019; ngày 25/3/2020; ngày 13/6/2020 và ngày 18/9/2020 (bản sao);

- Sổ giao dịch tiền vay mang tên Hà Thị H (bản sao):

- 01 Bảng kê tạm tính lãi (bản chính);

Tại bản tự khai ngày 09/12/2020, bị đơn bà Hà Thị H trình bày:

Bà thừa nhận là vào ngày 10/6/2016, bà và ông T đã vay vốn tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam thông qua chi nhánh huyện K Đông G với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 2812/HĐTD ngày 10/6/2016 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo giải ngân số: 03/GNN ngày 04/12/2018; mục đích sử dụng tiền vay: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình; thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 10/6/2016, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 04/12/2019; lãi suất vay trong hạn là 0,8166%/tháng (9,8%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận; khoản vay này không được bảo đảm bằng tài sản.

Trong thời gian vay vốn, bà và ông T sử dụng vốn vay đúng mục đích nhưng do làm ăn thua lỗ nên không trả được nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng theo cam kết. Nay Ngân hàng khởi kiện thì bà thừa nhận có nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền nợ tính đết hết ngày 22/10/2020 là 121.437.260 đồng, bao gồm nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.366.575 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.070.685 đồng *(các khoản lãi tạm tính đến ngày 22/10/2020)*, cũng như trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 23/10/2020 cho đến khi ông bà thanh toán xong khoản nợ.

Về phía bị đơn ông Nguyễn T, TAND huyện K, tỉnh G đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông nộp bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; triệu tập ông và bà H đến Tòa án để tham gia phiên công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tổ chức nhưng ông bà luôn vắng mặt. Do vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 25/02/2021 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Toà án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng ông T và bà H đã vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo như quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Ông Nguyễn T, sinh năm 1989 và bà Hà Thị H, sinh năm 1992, có địa chỉ tại: Thôn 3, xã Nghĩa An, thị trấn K, huyện K, tỉnh G; điều này được thể hiện qua Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Nguyễn T *(bản photo)* và 02 CMND mang tên Nguyễn T và Hà Thị H *(đều bản photo)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Việc vay vốn giữa ông T và bà H với Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam được thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số: 2812/HĐTD ngày 10/6/2016, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo giải ngân số: 03/GNN ngày 04/12/2018 là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Ngân hàng là chủ thể cho rằng mình có quyền lợi bị xâm phạm vì sau khi vay vốn, ông T và bà H đã không trả nợ theo cam kết nên Ngân hàng được quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K, tỉnh G theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Hợp đồng tín dụng số: 2812/HĐTD ngày 10/6/2016 được ký kết giữa Ngân hàng với ông T và bà H đã thể hiện rõ việc Ngân hàng cho ông T, bà H vay số tiền là 100.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình; thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 10/6/2016, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 04/12/2019; lãi suất cho vay trong hạn là 0,8166%/tháng (9,8%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận; khoản vay này không được bảo đảm bằng tài sản. Quan hệ vay nợ này đã được bà H thừa nhận khi tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi vay vốn, ông T và bà H sử dụng vốn vay không hiệu quả, không trả được nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông bà trả nợ. Điều này thể hiện việc ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, buộc Ngân hàng phải chuyển khoản nợ của ông bà thành nợ quá hạn và khởi kiện đòi nợ là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T bà H đã vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình; điều này đã thể hiện rõ việc ông bà có vay nợ nên ông bà phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông T và bà H là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ: Buộc ông T và bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.223.013 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.998.904 đồng *(các khoản lãi tính đến ngày 24/3/2021)*, tổng cộng là 127.221.917 đồng.

Tại Giấy nhận nợ kiêm báo cáo giải ngân số 03/GNN ngày 04/12/2018 giữa hai bên đương sự còn có thỏa thuận: Nếu ông T và bà H không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì ông bà phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày). Xét thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện và đúng pháp luật nên Ngân hàng có quyền này khi yêu cầu thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông T và bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 6.361.095 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, buộc bị đơn ông Nguyễn T và bà Hà Thị H phải trả cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện K Đông G số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 2812/HĐTD ngày 10/6/2016, gồm: Nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.223.013 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.998.904 đồng *(các khoản lãi tính đến ngày 24/3/2021)*, tổng cộng là 127.221.917 đồng *(một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm mười bảy đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông T và bà H không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại giấy nhận nợ kiêm báo cáo giải ngân thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự (THADS), người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án (THA), quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các Điều 6, 7 và 9 của LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của LTHADS.

Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn T và bà Hà Thị H phải chịu án phí là 6.361.095 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam thông qua chi nhánh huyện K Đông G số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 3.035.931 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003552 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh G xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh G;
-VKSND huyện K;
-Chi cục THADS huyện K;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA